

Số: 1973/TTr-GENCO3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2019

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua kết quả SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2018 và kế hoạch SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/9/2018;

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP xem xét, thông qua kết quả SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2018 và kế hoạch SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2019 như sau:

#### I. Kết quả thực hiện SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2018

##### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh - tài chính

Nội dung	Kế hoạch năm 2018			Thực hiện năm 2018			Tỷ lệ TH/KH 2018 (%)
	9 tháng (TNHH MTV)	3 tháng (CTCP)	Năm 2018	9 tháng (TNHH MTV)	3 tháng (CTCP)	Năm 2018	
Sản lượng điện (tr.kWh)	24.088	8.303	32.390	22.745	7.757	30.502	94,17
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	28.348	10.127	38.475	28.331	9.803	38.134	99,11
Tổng lợi nhuận (chưa bao gồm CLTG) (tỷ đồng)	1.326	165	1.491	1.633	455	2.088	140,06
Trong đó: lợi nhuận SXKD điện (tỷ đồng)	1.122	165	1.287	1.319	384	1.703	132,32
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	236	85	322	264	(783)	(519)	-
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)				263	(891)	(628)	

*Ghi chú: Tổng Công ty thực hiện xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần với số lỗ CLTG là 1.504 tỷ đồng. Toàn bộ số lỗ CLTG này được hạch toán vào kết quả hoạt động SXKD giai đoạn 3 tháng cuối năm 2018, dẫn đến kết quả hoạt động SXKD bị lỗ (lỗ CLTG 3 tháng cuối năm 2018 là 1.239 tỷ đồng, lỗ CLTG cả năm 2018 là 2.607 tỷ đồng).*

*(Chi tiết theo Phụ lục 2.1 đính kèm)*

## 2. Kết quả thực hiện vốn đầu tư xây dựng

Dự án EVNGENCO 3 đầu tư	KH 2018 (tr.đồng)	TH 2018 (tr.đồng)	Tỷ lệ (%)
Trả nợ vốn vay (gốc và lãi vay)	4.807.373	4.806.780	99,99
Đầu tư thuần	1.110.868	2.225.728	200,36
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.918.241</b>	<b>7.032.508</b>	<b>118,83</b>

(Chi tiết theo Phụ lục 2.7 đính kèm)

## II. Kế hoạch SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2019

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	32.570
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	42.550
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	42.141
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	409
	Trong đó: lợi nhuận điện (không bao gồm CLTG)	Tỷ đồng	1.350
	Lợi nhuận hoạt động tài chính (cổ tức từ CTCP)	Tỷ đồng	113
	Lỗ CLTG	Tỷ đồng	(1.067)
5	Cổ tức	%	(*)

(\*) Do Tổng Công ty còn lỗ lũy kế nên chưa thể chia cổ tức trong năm 2019.

(Chi tiết theo Phụ lục 2.2 đính kèm)

### 2. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2019

Năm 2019, EVNGENCO 3 triển khai thực hiện các công tác liên quan đến đầu tư xây dựng, cụ thể:

#### - Các dự án do EVNGENCO 3 làm chủ đầu tư:

- + Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2: Đẩy nhanh công tác thi công xây dựng và đưa vào vận hành thương mại vào tháng 6/2019.
- + Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2: Tiếp tục thi công hạng mục cuối cùng là Nhà hành chính và quyết toán toàn bộ dự án hoàn thành.
- + Dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân: Tiếp tục thực hiện công tác quyết toán dự án theo tiến độ.
- + Dự án Cảng than Vĩnh Tân: Tiếp tục thi công hạng mục nạo vét luồng dẫn và vũng quay tàu đáp ứng tàu 70.000 DWT. Thực hiện thủ tục xin điều chỉnh Quy hoạch TTĐL Vĩnh Tân, đầu tư xây dựng bãi chứa chất nạo vét mới và tiến hành thi công nạo vét khối lượng còn lại đáp ứng cho tàu 100.000 tấn.
- + Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum: Đơn đốc Nhà thầu thi công hoàn thành các hạng mục công trình, phát điện tổ máy số 1 trong Quý IV/2019.

- **Các dự án EVNGENCO 3 làm Tư vấn QLDA cho EVN:**
  - + Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4: Lắp đặt bổ sung hệ thống khử NOx (SCR); cấp PAC TM1 và tiếp tục thực hiện công tác quyết toán hoàn thành dự án.
  - + Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 MR: Phân đấu phát điện thương mại trước 30/10/2019 (sớm hơn hợp đồng khoảng 2 tháng).
- **Công tác xúc tiến đầu tư các dự án nguồn điện mới**
  - + Triển khai công tác quy hoạch Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG nhập khẩu tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau khi bổ sung quy hoạch).
  - + Triển khai xúc tiến bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7 (200MWp) thuộc tỉnh Ninh Thuận,....

Theo đó, vốn đầu tư xây dựng năm 2019 dự kiến như sau:

<b>Dự án EVNGENCO 3 đầu tư</b>	<b>KH 2019 (tr.đồng)</b>
<i>Trả nợ vốn vay (gốc và lãi vay)</i>	5.484.208
<i>Đầu tư thuần</i>	1.186.047
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.670.255</b>

*(Chi tiết theo Phụ lục 2.7 đính kèm)*

### **3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2019**

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch 2019, EVNGENCO3 đề ra các giải pháp thực hiện như sau:

#### **3.1 Nhóm giải pháp về sản xuất kinh doanh**

- Đảm bảo độ khả dụng cao nhất của các nhà máy điện, vận hành an toàn và tin cậy các tổ máy đáp ứng phương thức huy động của hệ thống;
- Tổ chức thử nghiệm và áp dụng đốt than trộn than trong nước với các loại than nhập khẩu cho các lò hơi NMNĐ Vĩnh Tân 2.
- Triển khai nhập khẩu nhiên liệu than để bù đắp lượng nhiên liệu TKV và TCT Đông Bắc cung cấp thiếu hụt khoảng 1,0 - 1,2 triệu tấn.
- Triển khai công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện đại tu lần đầu tổ máy S1 của NMNĐ Vĩnh Tân 2; đảm bảo tiến độ và chất lượng sửa chữa, khắc phục các tồn tại nhằm mục tiêu khôi phục hoàn toàn công suất tổ máy về thiết kế, nâng cao độ tin cậy cho các nhà máy trong mùa khô năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Tiếp tục chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: bố trí đầy đủ và duy trì vận hành thường xuyên, ổn định, hiệu quả các công trình BVMT; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải thông qua hoạt động quan trắc, giám sát định kỳ; hợp đồng với các đơn vị chức năng được Bộ TN&MT cấp phép trong việc xử lý chất thải, quan trắc môi trường.

- Nghiên cứu, hợp tác với các tổ chức lớn có uy tín trên thế giới để triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, nâng cấp thiết bị để hỗ trợ việc kiểm soát, duy trì vận hành tin cậy, ổn định và phục hồi, nâng cao công suất, hiệu suất các tổ máy phù hợp với điều kiện thực tế, chi phí hợp lý.
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **3.2 Nhóm giải pháp về đầu tư xây dựng**

- Tiếp tục nâng cao năng lực các Ban QLDA; thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo Quy chế phân cấp quyết định đầu tư của Tập đoàn; điều hành quản lý, giám sát chặt chẽ việc thi công của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với các cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo chất lượng và tiến độ theo tình hình thực tế của từng dự án.
- Nghiên cứu công nghệ liên quan đến các dự án nguồn điện mặt trời và nhiệt điện khí sử dụng LNG.
- Giải ngân, thanh toán kịp thời các khối lượng nghiệm thu đạt yêu cầu.

### **3.3 Nhóm giải pháp về quản trị**

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị và quản lý để nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả SXKD.
- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh sắp xếp, bố trí lại lao động; thuê ngoài đối với lao động phục vụ, phụ trợ, giản đơn, không tuyển thay thế đối với lao động này.
- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức, đặc biệt là mô hình sửa chữa tập trung.
- Đánh giá theo KPI, chi trả tiền lương theo kết quả đánh giá KPI; quyết liệt trong việc triển khai, thưởng phạt chặt chẽ;
- Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung theo hướng tinh gọn các QCQLNB phù hợp quy định pháp luật, quy định của EVN, trọng tâm cập nhật các QCQLNB áp dụng trực tiếp của EVN và xây dựng hệ thống QCQLNB phù hợp với mô hình hoạt động mới Tổng Công ty - CTCP.

### **3.4 Nhóm giải pháp về thực hiện chủ đề năm 2019**

- Tiếp tục triển khai các nhóm giải pháp cải tạo, phục hồi, cải tiến, nâng cao độ ổn định, tin cậy, công suất, nâng cao hiệu quả phát điện.
- Triển khai đào tạo, học tập thực tế tại các mỏ than, các nước cung cấp LNG để nâng cao năng lực quản lý và cung ứng nhiên liệu.
- Đào tạo nâng cao trình độ và đảm bảo nguồn nhân lực để làm chủ được công nghệ, vận hành, sửa chữa các loại hình NMTĐ.
- Tổ chức đào tạo chuyên sâu về chiến lược chào giá, đàm phán hợp đồng cho nhân sự làm công tác thị trường điện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

- Xây dựng và đưa vào vận hành các phần mềm giám sát và thu thập thông tin thị trường điện, thông tin vận hành từ các nhà máy điện để chỉ đạo các đơn vị tham gia chào giá hiệu quả.
- Triển khai phần mềm chào giá tối ưu để tăng hiệu quả tính toán và quản lý công tác thị trường điện.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định quản lý công tác thị trường điện phù hợp với mô hình hoạt động mới Tổng Công ty - CTCP.

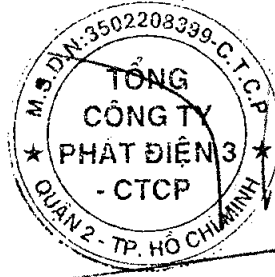
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS/EVNGENCO 3;
- Ban TGD/ EVNGENCO 3;
- VP, các Ban/EVNGENCO 3;
- Lưu: VT, TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Lê**

Phụ lục 2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018			Thực hiện năm 2018			Ghi chú
		Kế hoạch 9 tháng (TNHH MTV)	Kế hoạch 3 tháng (CTCP)	Kế hoạch cả năm	Thực hiện 9 tháng (TNHH MTV)	Thực hiện 3 tháng (CTCP)	Thực hiện cả năm	
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>28.348.270</b>	<b>10.127.018</b>	<b>38.475.288</b>	<b>28.331.506</b>	<b>9.802.640</b>	<b>38.134.146</b>	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.083.062	10.116.018	38.199.080	27.813.336	9.665.719	37.479.055	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	260.208	6.000	266.208	400.888	98.636	499.524	bao gồm cả tức được chia
3	Thu nhập khác	5.000	5.000	10.000	117.282	38.285	155.567	
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>28.112.063</b>	<b>10.041.641</b>	<b>38.153.705</b>	<b>28.067.126</b>	<b>10.586.126</b>	<b>38.653.251</b>	
1	Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.107.463	10.037.041	38.144.505	27.946.446	10.552.172	38.498.618	bao gồm chi phí lãi vay và CLTG
2	Chi phí hoạt động tài chính			-	5	-	5	
3	Chi phí khác	4.600	4.600	9.200	120.674	33.954	154.628	
<b>III</b>	<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>236.206</b>	<b>85.377</b>	<b>321.583</b>	<b>264.381</b>	<b>(783.486)</b>	<b>(519.105)</b>	
	Trong đó: Lợi nhuận sản xuất điện (không bao gồm CLTG)	1.122.476	164.716	1.287.192	1.318.921	384.327	1.703.248	
	Lãi chênh lệch tỷ giá	(1.089.667)	(79.739)	(1.169.406)	(1.368.765)	(1.238.636)	(2.607.401)	
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>262.718</b>	<b>(890.863)</b>	<b>(628.145)</b>	
<b>V</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	



**Phụ lục 2.2: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019**

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch cả năm 2019	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>42.549.939</b>	
1	Doanh thu hoạt động SXKD chính (điện)	42.245.275	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	113.404	cổ tức thu được từ CTCP
3	Doanh thu khác và Thu nhập khác	191.260	
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>42.140.639</b>	
1	Chi phí hoạt động SXKD chính (điện)	41.962.375	bao gồm lỗ CLTG
2	Chi phí hoạt động tài chính		
3	Chi phí khác	178.264	
<b>III</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,8%</b>	Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu lấy bằng vốn điều lệ tại thời điểm chuyển thành CTCP
<b>1</b>	<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>409.300</b>	
1.1	Lợi nhuận hoạt động SXKD chính (điện)	282.900	
	<i>Lợi nhuận sản xuất điện (không bao gồm CLTG)</i>	<i>1.350.121</i>	
	<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(1.067.221)</i>	
1.2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	113.404	
1.3	Lợi nhuận khác	12.996	
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>10.699.696</b>	
	Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.699.696	
	Quỹ đầu tư phát triển	-	
	Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	
<b>IV</b>	<b>Cổ tức</b>	-	do Tổng Công ty còn lỗ lũy kế nên chưa thể chia cổ tức trong năm 2019.

Phụ lục 2.7a: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Khởi công/ Hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã giao năm 2018	Tổng khối lượng thực hiện năm 2018	Chia ra			Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch	Tăng giảm ngân sách năm 2018	Chia ra			Ghi chú	
								Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác			Vay nước ngoài	Vay thương mại	Vốn khấu hao		EVN tạm ứng vốn
	<b>EVNGENCO 3 ĐẦU TƯ</b>																
	<i>Trà nạp vốn vay (gốc và lãi vay)</i>					5.918.241	7.032.508	615.892	1.472.972	4.943.644	118,83%	6.698.185	1.562.853	93.352	5.041.980	-	
	<i>Đầu tư chuẩn</i>					4.806.780	4.806.780	4.806.780		4.806.780	99,99%	4.806.780			4.806.780		
						1.110.868	2.225.728	615.892	1.472.972	136.864	200,36%	1.891.405	1.562.853	93.352	235.200	-	
<b>I</b>	Các công trình trả nợ ki và quyết toán					97.841	1.379.446	193.457	1.171.925	14.064	1409,89%	1.366.668	1.323.152	-	43.516	-	
1	Dự án NMINĐ Móng Dương 1	Quảng Ninh	1000MW	2011-2015	33.614.495	11.148	13.045	2.522		10.523	117,02%	12.467			12.467		
2	Dự án NMINĐ Vĩnh Tân 2	Bình Thuận	1224MW	2010-2014	23.477.000	86.693	1.366.401	190.935	1.171.925	3.541	1576,14%	1.354.201	1.323.152		31.049		
<b>II</b>	Công trình chuyển tiếp					457.027	642.410	368.508	239.875	34.027	140,56%	461.896	239.701	93.352	128.843	-	
1	Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân	Bình Thuận		2008-2019	1.568.268	119.750	169.397	132.022	16.000	21.375	14,46%	130.588	15.664		21.572		
2	Dự án Cảng than TTĐL Vĩnh Tân	Bình Thuận		2012-2018	4.557.000	337.277	473.013	236.486	223.875	12.652	140,24%	331.308	224.037		107.271		
<b>III</b>	Công trình khác					518.036	57.080	35.247	15.372	6.462	11,02%	45.246			45.246		
1	Công ty nhiệt điện Phú Mỹ					75.352	1.294	993	301		1,72%	301			301		
2	Công ty Nhiệt điện Móng Dương					36.369	21.459	6.640	13.896	923	59,00%	21.459			21.459		
3	Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân					189.739	31.463	27.614	1.175	2.675	16,58%	21.566			21.566		
4	Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện					48.550	782			782	1,61%	782			782		
5	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp					35.000	893			893	2,55%	893			893		
6	Dự án xuất tro xỉ tại TTĐL Vĩnh Tân	Vĩnh Tân-Bình Thuận				133.026	1.189			1.189	0,89%	245			245		
<b>IV</b>	Công trình chuẩn bị đầu tư					37.964	146.792	18.680	45.800	82.312	386,66%	17.595	-	-	17.595	-	
1	Dự án NMBMT Vĩnh Tân 2	Tuy Phong-Bình Thuận	42,65 MWp	2019-	990.190	6.982	146.792	18.680	45.800	82.312	2102,50%	17.595			17.595		
2	Dự án Điện mặt trời Buôn Kuốp	Krông An - Đắk Lắk	50MW	2020-	1.891.983	7.400	0										
3	Dự án Điện mặt trời Srepsok 3	Buôn Đôn - Đắk Lắk	50MW	2019-	1.840.000	9.400	0										
4	Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7	Ninh Phước - Ninh Thuận	100MW	2019-	2.341.500	8.182	0										
5	Trung tâm điện lực Long Sơn	Long Sơn - Bà Rịa Vũng Tàu	1.200MW	2023-2024	24.293.000	6.000	0										

100  
CP  
HỆ  
ĐỊ  
IG  
/8



**Phụ lục 2.7b: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019							Chia ra		
		TỔNG SỐ	VAY NƯỚC NGOÀI	TD ƯU ĐÃI	TD THƯƠNG MẠI	VỐN TỰ CÓ	TỔNG SỐ	Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác	
A2	EVENGENCO 3 ĐẦU TƯ	6.670.255			608.909	6.061.346	6.670.255	478.489	461.763	5.730.00	
	Trả nợ vốn vay (gốc và lãi vay)	5.484.208				5.484.208	5.484.208			5.484.208	
	Đầu tư thuần	1.186.048		1.776.446	608.909	577.139	1.186.048	478.489	461.763	245.791	
I	Công trình trả nợ kì và quyết toán	149.839			20.056	129.783	149.839	99.566		50.27	
1	NĐ Mông Dương 1	22.700				22.700	22.700			22.70	
2	NĐ Vĩnh Tân 2	64.194				64.194	64.194	61.331		2.86	
3	Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân	62.945			20.056	42.889	62.945	38.235		24.71	
II	Công trình hoàn thành	74.375				74.375	74.375			74.37	
1	Dự án Cảng than TTĐL Vĩnh Tân	74.375				74.375	74.375			74.37	
III	Công trình khác	961.833			588.853	372.980	961.833	378.923	461.763	121.14	
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	5.724				5.724	5.724	1.454	1.270	3.00	
2	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	28.243				28.243	28.243	15.480	1.800	10.96	
3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	182.372				182.372	182.372	150.415	16.142	15.81	
4	Công ty EPS	51.678				51.678	51.678	24.489	9.563	17.62	
5	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	34.737				34.737	34.737	10.500	21.000	3.23	
6	Dự án xuất tro xỉ tại TTĐL Vĩnh Tân	4.408				4.408	4.408			4.40	
7	Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	593.671			588.853	4.818	593.671	176.584	411.988	5.09	



TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019						Chia ra		
		TỔNG SỐ	VAY NƯỚC NGOÀI	TD ƯU ĐÃI	TD THƯƠNG MẠI	VỐN TỰ CÓ	TỔNG SỐ	Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác
8	Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7-1	35.000				35.000				35.000
9	Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7-2	5.000				5.000				5.000
10	Các dự án chuẩn bị đầu tư	21.000				21.000				21.000
10.1	Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7-3	1.000				1.000				1.000
10.2	Trung tâm điện lực Long Sơn	10.000				10.000				10.000
10.3	Dự án Điện mặt trời trên hồ thủy điện Sreppok 3 và Buôn Kuốp	10.000				10.000				10.000